TỔNG HỢP THÔNG TIN GIAO DỊCH
TRADING SUMMARY

Ngày:
Date: **17/11/2026**

1. Chỉ số chứng khoán
(Indices)

Chỉ số Indices	Đóng cửa Closing value	Tăng/Giảm +/- Change	Thay đổi (%) % Change	GTGD (tỷ đồng) Trading value (bil.dongs)
VNINDEX	1,726.72	-10.17	-0.59	14,961.45
VN30	1,837.13	-7.12	-0.39	8,497.47
VNMIDCAP	1,835.82	-5.82	-0.32	5,643.51
VNSMALLCAP	1,199.22	-5.67	-0.47	666.19
VN100	1,759.53	-6.36	-0.36	14,140.98
VNALLSHARE	1,735.45	-6.32	-0.36	14,807.17
VNXALLSHARE	2,735.08	-9.60	-0.35	15,259.69
VNCOND	1,868.75	3.47	0.19	372.79
VNCONS	628.66	0.95	0.15	1,033.44
VNENE	694.26	-27.48	-3.81	860.98
VNFIN	2,059.16	-6.11	-0.30	7,315.42
VNHEAL	1,552.85	-0.26	-0.02	43.26
VNIND	815.14	-5.48	-0.67	2,021.07
VNIT	2,556.74	-47.60	-1.83	566.64
VNMAT	1,883.67	-9.14	-0.48	572.89
VNREAL	3,270.99	-5.86	-0.18	1,497.26
VNUTI	934.78	-0.09	-0.01	521.57
VNDIAMOND	2,072.10	-16.60	-0.79	3,358.83
VNFINLEAD	2,707.00	-2.73	-0.10	4,450.69
VNFINSELECT	2,771.99	-8.23	-0.30	7,315.25
VNMITECH	749.49	-6.58	-0.87	2,931.60
VN50 GROWTH	971.64	-3.29	-0.34	11,519.16
VNDIVIDEND	798.67	-6.79	-0.84	2,405.39
VNSHINE	748.24	-7.27	-0.96	3,076.50
VNPRIVGRO	994.47	-2.35	-0.24	9,092.14
VNSI	2,945.11	-19.56	-0.66	2,889.97
VNX50	3,076.27	-11.28	-0.37	11,904.44

2. Giao dịch toàn thị trường
(Trading total)

Nội dung Contents	KLGD (ck) Trading vol. (shares)	GTGD (tỷ đồng) Trading val. (bil. Dongs)
Khớp lệnh	509,165,654	9,671
Thỏa thuận	198,820,898	5,365
Tổng	707,986,552	15,036

Top 5 chứng khoán giao dịch trong ngày
(Top volatile stock up to date)

STT No.	Top 5 CP về KLGD Top trading vol.		Top 5 CP tăng giá Top gainer		Top 5 CP giảm giá Top loser	
	Mã CK Code	KLGD (cp) Trading vol. (shares)	Mã CK Code	%	Mã CK Code	%
1	LPB	76,638,835	PIT	6.96%	HAS	-6.96%
2	VIX	34,942,404	VPG	6.74%	TSA	-6.96%
3	POW	27,954,022	DTA	6.68%	HIO	-6.92%
4	SHB	24,581,556	HU1	6.56%	SMA	-6.91%
5	PVD	19,609,713	TTF	6.14%	PNC	-6.83%

Giao dịch của NĐTNN
(Foreigner trading)

Nội dung Contents	Mua Buying	%	Bán Selling	%	Mua-Bán Buying-Selling

KLGD (ck) **Trading vol. (shares)**	42,387,459	5.99%	49,737,765	7.03%	-7,350,306
GTGD (tỷ đồng) **Trading val. (bil. Dongs)**	1,088	7.24%	1,447	9.63%	-359

Top 5 Chứng khoán giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài
(Top foreigner trading)

STT	Top 5 CP về KLGD NĐTNN Top trading vol.		Top 5 CP về GTGD NĐTNN		Top 5 CP về KLGD NĐTNN mua ròng	
1	HPG	6,539,937	FPT	251,439,578	POW	4,094,451
2	MBB	5,715,869	MSN	212,138,940	KDH	2,886,667
3	FPT	5,109,959	VIC	157,595,279	HPG	2,410,285
4	POW	5,073,751	HPG	137,279,355	MSN	2,046,850
5	KDH	3,255,333	STB	121,159,110	KHG	1,210,400

3. Sự kiện doanh nghiệp

STT	Mã CK	Sự kiện
1	NSC	NSC giao dịch không hưởng quyền - trả cổ tức năm tạm ứng đợt 2 năm 2025 bằng tiền mặt với tỷ lệ 20%, ngày thanh toán: 18/12/2026.
2	CACB2631	CACB2631 (chứng quyền ACB.ACB.VNDS.M.CA.T.8T.2026.2 ; Mã chứng khoán cơ sở: ACB) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 17/11/2026 với số lượng 10,000,000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 4:1, với giá: 19,300 đồng/cq.
3	CACB2632	CACB2632 (chứng quyền ACB.ACB.VNDS.M.CA.T.10T.2026.2 ; Mã chứng khoán cơ sở: ACB) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 17/11/2026 với số lượng 8,000,000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 4:1, với giá: 20,200 đồng/cq.
4	CFPT2646	CFPT2646 (chứng quyền FPT.FPT.VNDS.M.CA.T.7T.2026.2 ; Mã chứng khoán cơ sở: FPT) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 17/11/2026 với số lượng 10,000,000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 10:1, với giá: 61,900 đồng/cq.
5	CFPT2647	CFPT2647 (chứng quyền FPT.FPT.VNDS.M.CA.T.9T.2026.2 ; Mã chứng khoán cơ sở: FPT) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 17/11/2026 với số lượng 8,000,000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 10:1, với giá: 55,600 đồng/cq.
6	CHDB2621	CHDB2621 (chứng quyền HDB.HDB.VNDS.M.CA.T.6T.2026.2 ; Mã chứng khoán cơ sở: HDB) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 17/11/2026 với số lượng 10,000,000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 4:1, với giá: 24,400 đồng/cq.
7	CHDB2622	CHDB2622 (chứng quyền HDB.HDB.VNDS.M.CA.T.9T.2026.2 ; Mã chứng khoán cơ sở: HDB) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 17/11/2026 với số lượng 10,000,000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 4:1, với giá: 21,200 đồng/cq.
8	CHPG2655	CHPG2655 (chứng quyền HPG.HPG.VNDS.M.CA.T.7T.2026.2 ; Mã chứng khoán cơ sở: HPG) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 17/11/2026 với số lượng 8,000,000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 3:1, với giá: 20,600 đồng/cq.
9	CHPG2656	CHPG2656 (chứng quyền HPG.HPG.VNDS.M.CA.T.10T.2026.2 ; Mã chứng khoán cơ sở: HPG) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 17/11/2026 với số lượng 8,000,000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 3:1, với giá: 20,000 đồng/cq.
10	CMBB2627	CMBB2627 (chứng quyền MBB.MBB.VNDS.M.CA.T.10T.2026.2 ; Mã chứng khoán cơ sở: MBB) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 17/11/2026 với số lượng 10,000,000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 3:1, với giá: 21,600 đồng/cq.
11	CMSN2641	CMSN2641 (chứng quyền MSN.MSN.VNDS.M.CA.T.8T.2026.2 ; Mã chứng khoán cơ sở: MSN) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 17/11/2026 với số lượng 10,000,000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 10:1, với giá: 71,900 đồng/cq.
12	CMSN2642	CMSN2642 (chứng quyền MSN.MSN.VNDS.M.CA.T.10T.2026.2 ; Mã chứng khoán cơ sở: MSN) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 17/11/2026 với số lượng 10,000,000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 10:1, với giá: 73,200 đồng/cq.
13	CMWG2633	CMWG2633 (chứng quyền MWG.MWG.VNDS.M.CA.T.7T.2026.2 ; Mã chứng khoán cơ sở: MWG) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 17/11/2026 với số lượng 10,000,000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 10:1, với giá: 73,600 đồng/cq.
14	CMWG2634	CMWG2634 (chứng quyền MWG.MWG.VNDS.M.CA.T.10T.2026.2 ; Mã chứng khoán cơ sở: MWG) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 17/11/2026 với số lượng 8,000,000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 10:1, với giá: 68,700 đồng/cq.

15	CSHB2631	CSHB2631 (chứng quyền SHB.SHB.VNDS.M.CA.T.8T.2026.2 ; Mã chứng khoán cơ sở: SHB) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 17/11/2026 với số lượng 10,000,000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 2:1, với giá: 11,000 đồng/cq.
16	CSHB2632	CSHB2632 (chứng quyền SHB.SHB.VNDS.M.CA.T.10T.2026.2 ; Mã chứng khoán cơ sở: SHB) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 17/11/2026 với số lượng 10,000,000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 2:1, với giá: 11,500 đồng/cq.
17	CSTB2640	CSTB2640 (chứng quyền STB.STB.VNDS.M.CA.T.9T.2026.2 ; Mã chứng khoán cơ sở: STB) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 17/11/2026 với số lượng 10,000,000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 10:1, với giá: 61,700 đồng/cq.
18	CTCB2627	CTCB2627 (chứng quyền TCB.TCB.VNDS.M.CA.T.8T.2026.2 ; Mã chứng khoán cơ sở: TCB) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 17/11/2026 với số lượng 8,000,000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 2,6687:1, với giá: 21,750 đồng/cq.
19	CTCB2628	CTCB2628 (chứng quyền TCB.TCB.VNDS.M.CA.T.10T.2026.2 ; Mã chứng khoán cơ sở: TCB) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 17/11/2026 với số lượng 8,000,000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 2,6687:1, với giá: 19,881 đồng/cq.
20	CVNM2635	CVNM2635 (chứng quyền VNM.VNM.VNDS.M.CA.T.7T.2026.2 ; Mã chứng khoán cơ sở: VNM) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 17/11/2026 với số lượng 10,000,000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 7,6546:1, với giá: 55,017 đồng/cq.
21	CVNM2636	CVNM2636 (chứng quyền VNM.VNM.VNDS.M.CA.T.9T.2026.2 ; Mã chứng khoán cơ sở: VNM) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 17/11/2026 với số lượng 8,000,000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 7,6546:1, với giá: 53,104 đồng/cq.
22	CVIB2615	CVIB2615 (chứng quyền VIB.VIB.VNDS.M.CA.T.5T.2026.2 ; Mã chứng khoán cơ sở: VIB) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 17/11/2026 với số lượng 5,000,000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 2:1, với giá: 13,400 đồng/cq.
23	CVIB2616	CVIB2616 (chứng quyền VIB.VIB.VNDS.M.CA.T.7T.2026.2 ; Mã chứng khoán cơ sở: VIB) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 17/11/2026 với số lượng 5,000,000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 2:1, với giá: 14,800 đồng/cq.
24	CVIB2617	CVIB2617 (chứng quyền VIB.VIB.VNDS.M.CA.T.9T.2026.2 ; Mã chứng khoán cơ sở: VIB) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 17/11/2026 với số lượng 5,000,000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 2:1, với giá: 13,100 đồng/cq.
25	CVIB2618	CVIB2618 (chứng quyền VIB.VIB.VNDS.M.CA.T.11T.2026.2 ; Mã chứng khoán cơ sở: VIB) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 17/11/2026 với số lượng 5,000,000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 2:1, với giá: 12,500 đồng/cq.
26	CVPB2639	CVPB2639 (chứng quyền VPB.VPB.VNDS.M.CA.T.5T.2026.2 ; Mã chứng khoán cơ sở: VPB) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 17/11/2026 với số lượng 5,000,000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 4:1, với giá: 23,700 đồng/cq.
27	CVPB2640	CVPB2640 (chứng quyền VPB.VPB.VNDS.M.CA.T.8T.2026.2 ; Mã chứng khoán cơ sở: VPB) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 17/11/2026 với số lượng 6,000,000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 4:1, với giá: 22,900 đồng/cq.
28	CVPB2641	CVPB2641 (chứng quyền VPB.VPB.VNDS.M.CA.T.9T.2026.2 ; Mã chứng khoán cơ sở: VPB) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 17/11/2026 với số lượng 5,000,000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 4:1, với giá: 25,000 đồng/cq.
29	CVPB2642	CVPB2642 (chứng quyền VPB.VPB.VNDS.M.CA.T.10T.2026.2 ; Mã chứng khoán cơ sở: VPB) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 17/11/2026 với số lượng 8,000,000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 4:1, với giá: 26,400 đồng/cq.
30	CVPB2643	CVPB2643 (chứng quyền VPB.VPB.VNDS.M.CA.T.11T.2026.2 ; Mã chứng khoán cơ sở: VPB) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 17/11/2026 với số lượng 5,000,000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 4:1, với giá: 25,300 đồng/cq.